TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 223/2026/HS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Mai Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2026/QĐST-HS ngày 03/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-HS ngày 05/3/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Địa chỉ thường trú: Số A Đường số H, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Tổ I, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1969 (đã chết) và bà Lục Thị T1 (đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 22/3/2023, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm 09 tháng, theo Quyết định số 82/QĐ-TA;

Nhân thân:

+ Ngày 02/8/2013, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo Bản án số 197/2013/HSST;

+ Ngày 22/10/2007, bị Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dưỡng 24 tháng, theo Quyết định số 2554;

+ Ngày 17/3/2010, bị Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dưỡng 24 tháng, theo Quyết định số 876;

+ Ngày 19/11/2019, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, theo Quyết định số 379/2019/QĐ-TA;

+ Ngày 14/01/2022, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng, theo Quyết định số 27/2022/QĐ-TA;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 24/11/2025 và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số H V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Nguyễn Hoài S - Chủ hộ kinh doanh T2 (nay đổi thành Hộ kinh doanh Hồ Nguyễn Hoài S). Địa chỉ: Số A đường H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 24/03/2025, chị Nguyễn Thị Ngọc P chở con đi học tại chùa H, địa chỉ số A đường Q, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, chị P gặp Nguyễn Ngọc L (bạn của con chị P) chị P rủ L đi uống cà phê và sử dụng xe môtô nhãn hiệu Honda Vison, biển số 59V3-409.37 của chị P chở L đến quán C, địa chỉ số A, Đường số H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để uống cà phê và nói chuyện. Lúc này, do L không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe môtô của chị P đi bán lấy tiền tiêu xài. Lượng giả vờ hỏi mượn xe của chị P để đi về nhà lấy điện thoại rồi quay lại trả xe cho chị P, chị P đồng ý và đưa chìa khóa xe môtô cho L, L đi đến chỗ dựng xe rồi mở cốp xe môtô biển số: 59V3-409.37 nhìn thấy bên trong cốp xe có bản chính giấy đăng kí xe, L đóng cốp xe lại rồi điều khiển xe tìm nơi bán xe. L điều khiển xe đến tiệm C1, địa chỉ: đường H, xã B, huyện C (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, L gặp anh Trần Nguyễn Vũ L1 nhân viên tiệm cầm đồ, L hỏi L1 có mua xe môtô biển số: 59V3-409.37 không, L1 trả lời có rồi hỏi Lượng xe này của ai, L nói Linh xe này là của mẹ L nhưng mẹ L đã chết. Sau khi L1 kiểm tra xe và giấy đăng ký xe thì L1 đồng ý mua với giá 15.000.000 đồng và yêu cầu L đưa thẻ Căn cước công dân để làm Giấy mua bán xe, L không đem theo thẻ Căn cước công dân nên nói L1 để lại xe và giấy đăng ký xe tại tiệm cầm đồ rồi L đi về nhà lấy thẻ Căn cước công dân, L1 đồng ý. Sau đó, L quay lại đưa L1 thẻ Căn cước công dân mang tên "Nguyễn Ngọc L, sinh ngày: 23/04/1992, số CCCD: 079092015026, địa chỉ số A Cô B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh", L1 kiểm tra thấy đúng người

trong ảnh rồi L1 viết Giấy mua bán xe cho L rồi trả tiền mặt 15.000.000 đồng cho L.

Ngày 24/3/2025, chị Nguyễn Thị Ngọc P đến Công an P1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc nêu trên và trình bày trong cốp xe có số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2025, Cơ quan điều tra tiến hành mời Nguyễn Ngọc L và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và khẳng định không có số tiền 80.000.000 đồng trong cốp xe như chị P đã trình bày.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS, ngày 28/5/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận kết luận: 01 Xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, BS: 59V3-409.37 có giá trị 19.433.333 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, BS: 59V3-409.37 và 01 giấy đăng ký xe là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

- 01 giấy mua bán xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, BS: 59V3-409.37 của Nguyễn Ngọc L (có trong hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe không có yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, bị hại yêu cầu trả lại số tiền 80.000.000 đồng để trong cốp xe.

Tại bản cáo trạng số 280/CT-VKS-KV7, ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Ngọc L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; "theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt bổ sung miễn phạt cho bị cáo.

Về yêu cầu trả lại 80.000.000 đồng hồ sơ thể hiện không có tài liệu, chứng cứ nên không xem xét trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu trả lại số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận.

Tại phiên toà khi nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại, đã có yêu cầu, đã trình bày lời khai, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt đã có trình bày yêu cầu, vì vậy căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ quy định của Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2026/QH15 ngày 25/6/2026 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, đối chiếu mức hình phạt của Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2026 thì không có quy định có lợi cho người phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 nên Hội đồng xét áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[3] Về tội danh: Tại phiên toà hôm nay, sau khi đại diện Viện kiểm sát công bố bản cáo trạng thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra, với bản cáo trạng và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Ngày 24/3/2025, tại quán C, địa chỉ số A, Đường số H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng cách nói dối với bị hại là để quên điện thoại ở nhà và giả vờ mượn xe mô tô biển số 59V3-409.37 của bị hại về nhà lấy điện thoại. Khi mở cốp xe thì bị cáo thấy có bản chính giấy đăng ký xe nên bị cáo đã mang xe trên đến Tiệm cầm đồ Thành Phát, địa chỉ: đường H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh để bán. Tại đây, bị cáo nói dối là xe của mẹ bị cáo (đã chết) và đã bán được giá 15.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS, ngày 28/5/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận kết luận: 01 Xe mô tô hiệu

Honda Vison màu đỏ, BS: 59V3-409.37 có giá trị 19.433.333 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 280/CT-VKS-KV7, ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo hộ. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác rất táo bạo và liều lĩnh. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo lại mình và đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại xe nên không có yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 80.000.000 đồng để trong cốp xe. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không chứng minh được có số tiền trong cốp xe và bị hại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có để số tiền trên. Đồng thời, bị cáo cũng thừa nhận không có số tiền trên trong cốp xe nên không có cơ sở để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 80.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả số tiền 15.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo đã bán xe. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý nên chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, buộc bị cáo phải trả lại số tiền 15.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho người bị hại.

[8] Vấn đề khác: Đối với Trần Nguyễn Vũ L1 là người mua xe mô tô của L không biết là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không đủ căn cứ xác định L1 có hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[9] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[11] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2026/QH15 ngày 25/6/2026 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 46; Điều 47; Điều 48, khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 30; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2026;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng . Án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

[7] Nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7 - TP.HCM;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- CQĐT Công an TP.HCM;
- Phòng PV06, Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Loan